

**chuLớp Phật Pháp Buddhaddhamma**  
**Giáo trình Phạn ngữ Pāli**

Bài học ngày 7.6.2021

---

## **Bài 2. CÁCH CHIA CÁC ĐỘNG TỪ PĀLI**

*Động từ, trong ý nghĩa tương đồng chung chung giữa các ngôn ngữ, chỉ một trong những điều sau:*

1. *Hành động. Thí dụ: người nông dân cày ruộng*
2. *Trạng thái. Thí dụ: Tôi cảm thấy mệt*

- **Các động từ Pāli có 3 thì, 2 thể và 3 ngôi.**

Thì: - **Vattamānakāla:** hiện tại  
- **Atītakāla:** Quá khứ  
- **Anāgatakāla:** Tương lai

Thể: - **Kattukāraka:** Năng động thể  
- **Kammakāraka:** thụ động thể

**Năng động thể** là động từ mà chủ từ là thực hiện hành động.  
*Thí dụ: Tôi gọi trò A lên văn phòng.*  
**Thụ động thể** là động từ mà chủ từ là đối tượng của hành động.  
*Thí dụ: Tôi được gọi lên văn phòng.*

Ngôi: - **Paṭhamapurisa:** Ngôi thứ ba  
- **Majjhimapurisa:** Ngôi thứ hai  
- **Uttamapurisa:** Ngôi thứ nhất

*Ngôi thứ nhất của tiếng Anh là ngôi thứ ba của tiếng Pāli. Số của động từ tương tự như danh từ.*

**Không có các Thì Tiếp Diễn, Hoàn Thành, Hoàn Thành Tiếp Diễn trong tiếng Pāli như trong tiếng Anh. Do đó các cách chia thì chỉ ở dạng phẩm định.**

*Trong tiếng Pāli chia thời gian không giống trong tiếng Việt và tiếng Anh (hai ngôn ngữ quen thuộc với người Việt)*

*Trong tiếng Việt động từ không biến thể dù ở thời nào. Như nói tôi đã làm, sẽ làm, đang làm thì động từ làm không biết thể. Trừ khi có mệnh đề nêu rõ thời gian ngoài ra thì tương đối mơ hồ.*

*Trong tiếng Anh có thì tiếp diễn, hoàn thành..*

*Thí dụ: The old dog was barking. She had already left before I could phone her.*

*Cách chia ngữ căn **paca** (nấu)*

*Trực thuyết cách, năng động thể, thì hiện tại*

**Ngôi Số ít / Số nhiều**

- 3 (so) pacati / (te) pacanti
- 2 (tvam) pacasi / (tumhe) pacatha
- 1 (aham) pacāmi / (mayam) pacāma

*Ngữ căn **bhū** (Bhava: là, có, trở nên, hiện hữu)*

**Ngôi Số ít / Số nhiều**

- 3 bhavati / bhavanti
- 2 bhavasi / bhavatha
- 1 bhavāmi / bhavāma

*Những động từ sau đây đều chia tương tự:*

- Gacchati: đi
- Sayati: ngủ
- Passati: thấy
- Harati: mang đi, đem đi
- Vasati: sống, ở, cư trú
- Hasati: cười
- Nisīdati: ngồi
- Dhāvati: chạy
- Āruhati: leo lên
- Tiṭṭhati: đứng
- Carati: đi bộ, đi dạo
- Bhuñjati: ăn (thức ăn mềm)
- Khādati: ăn (thức ăn cứng)
- Āharati: mang lại, đem lại
- Hanati: giết
- Yācati: xin
- Bhāsati: nói
- Kīlati: chơi, đùa giỡn

## Bài đọc thêm

---

*Sabbapāpassa akaraṇaṃ  
kusalass'ūpasampadā  
sacittapariyodapanam  
etaṃ buddhānasāsanam.*

*Không làm tất cả ác  
Thành tựu những hạnh lành  
Thanh tịnh hoá bản tâm  
Là lời dạy của chư Phật.*

*Khanti paramaṃ tapo titikkhā  
nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā  
na hi pabbajīto parūpaghātī  
samaṇo hoti paraṃ viheṭṭhayanto.*

*Nhẫn nại là khắc kỷ tối thượng  
Chư Phật dạy Niết bàn là cứu cánh  
Người xuất gia không tổn hại ai  
Sa môn không áp bức người khác.*

## BÀI TẬP 3

### A – Dịch sang tiếng Việt

1. Narā suriyaṃ passanti
2. Goṇā pāsāṇe titṭhanti
3. Manusso gāme carati
4. Sakuṇo rukkhe nisīdati
5. Buddho dhammaṃ bhāsati
6. Ahaṃ dīpaṃ āharāmi
7. Mayaṃ goṇe harāma
8. Saṅgho gāmaṃ gacchati
9. Tvaṃ sīhaṃ passasi
10. Bhūpālā asse āruhanti
11. Devā āsākena gacchanti
12. Assā dīpesu dhāvanti
13. Tvaṃ pādehi carasi
14. Tumhe hatthehi carasi
15. Mayaṃ loke vasāma
16. Sunakhā vānarehi kīḷanti
17. Puriso mañce sayati
18. Varāhā ajehi vasanti
19. Sīhā sakuṇe hananti
20. Sunakhā gāme caranti

## **B – Dịch sang Pāli**

1. Con ngựa đứng trên hòn đảo
2. Những con dê đi trong làng
3. Các người thấy mặt trời
4. Mặt trăng mọc trên trời
5. Những người đàn ông ngủ trên những chiếc giường
6. Những con bò đực chạy khỏi con sư tử
7. Những con người sống trên đời
8. Cậu đem cây đèn đi
9. Chúng tôi sống trên hòn đảo
10. Ngài là đức vua
11. Các anh thấy con chim trên cây
12. Con khỉ đùa giỡn với con heo
13. Đức vua giết con sư tử
14. Vị thiên thần du hành trên hư không
15. Cây cối sống trên đảo
16. Anh ấy mang cây đèn lại
17. Chúng tôi thấy thân của người đàn ông
18. Chúng tôi ăn bằng tay

*\* Bài viết trích từ cuốn: "Giáo trình PĀLI, nguyên tác: THE NEW PALI COURSE, Tác giả Prof. A. P. Buddhadatta, Maha Nayaka Thera, Dịch giả: Ngài Thích Minh Châu.*